

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 11 năm 2023
V/v: “Xin ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Bùi Hồng Đào.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hải Long – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2023 về việc “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2023/QĐSXST-HNGĐ ngày 15/11/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Cầm Thị K**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu Ngã 2, xã T, huyện T, tỉnh P (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Hà Văn S**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu Ngã 2, xã T, huyện T, tỉnh P (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Hạnh** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn: Bà **Đỗ Hồng Nhung** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2023 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Cầm Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 13/6/2008, chị và anh Hà Văn S đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P. Hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm mặc được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không thành dẫn đến vợ chồng ly thân chấm dứt quan hệ tình

cảm. Vì vậy, chỉ đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho chị xin ly hôn với anh Hà Văn S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Hà Kiều Chiêu, sinh ngày 28/12/2014 và Hà Thị Chiêu, sinh ngày 24/5/2009 khi ly hôn chị K có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng hai con chung Hà Kiều Chiêu và Hà Thị Chiêu không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Hà Văn S: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ anh S nhưng anh S đều vắng mặt. Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai và biên bản làm việc với anh S tại trụ sở UBND xã T ngày 23/10/2023 cũng như tại phiên tòa hôm nay anh S cho biết:

Anh với chị K có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn chị K về làm dâu tại gia đình anh, trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng đến năm 2022 chị K bỏ đi quan hệ ngoài luồng với người khác từ đó đến nay vợ chồng không chung sống cùng nhau nữa, việc chị K xin ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét nếu vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng đến việc học hành của các con.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị hai con chung cháu Hà Kiều Chiêu, sinh ngày 28/12/2014 và Hà Thị Chiêu, sinh ngày 24/5/2009 hiện đang ở cùng anh S. Nếu tòa án giải quyết ly hôn anh xin được nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu chị K cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu 1000.000đ/1 tháng.

Về chia tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên không tiến hành hòa giải được, nhưng đã được Thẩm phán thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Bị đơn theo khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Bị đơn có mặt tại phiên tòa.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị K; anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K; anh S là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh S.

Về con chung: Đề nghị áp dụng khoản 1,2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao hai con chung Hà Kiều Chiêu, sinh ngày 28/12/2014 và Hà Thị Chiêu, sinh ngày 24/5/2009 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đối với tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp Nguyên đơn; Bị đơn không yêu cầu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về án phí dân sự: Chị K được miễn án phí án phí ly hôn theo quy định.

Quan điểm người bảo vệ quyền lợi cho phía Nguyên đơn và phía Bị đơn: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh S có mặt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Về hôn nhân: Việc chị K; anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nên. Thấy rằng chị K; anh S là không còn khả năng duy trì hạnh phúc mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh S.

Về con chung: Chị K; anh S có hai con chung Hà Kiều Chiêu, sinh ngày 28/12/2014 và Hà Thị Chiêu, sinh ngày 24/5/2009 khi ly hôn, chị đề nghị tòa án xem xét việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản; công nợ và công sức: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Cẩm Thị K có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P cho chị xin ly hôn với anh Hà Văn S. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

[2]. Về việc vắng mặt Nguyên đơn; Bị đơn: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh S có mặt. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các bên. Căn cứ điểm a khoản 1,3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị K; anh S trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Tòa án đã làm rõ hiện vợ chồng anh, chị đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị K; anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị có hai con chung là cháu Hà Kiều Chiêu, sinh ngày 28/12/2014 và Hà Thị Chiêu, sinh ngày 24/5/2009. Khi ly hôn theo nguyện vọng của hai cháu đều xin được ở cùng với chị K. Căn cứ vào nguyện vọng của hai cháu, Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị K nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1,2 Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng tiền nuôi con; tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án Chị K; anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Khi nào chị K; anh S có yêu cầu thì anh, chị có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí ly hôn theo quy định.

[6]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên, là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; 57; khoản 1, 2 Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1,3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cẩm Thị K được ly hôn anh Hà Văn S.

Về con chung: Giao cho chị Cẩm Thị K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Hà Kiều Chiêu, sinh ngày 28/12/2014 và Hà Thị Chiêu, sinh ngày 24/5/2009 kể từ tháng 12 năm 2023 đến khi thành niên. Anh S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị K; anh S không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị K là người Dân tộc sinh sống ở xã điều kiện kinh tế khó khăn nên không phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 của Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quyền kháng cáo: Chị Cầm Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Anh Hà Văn S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Chí